

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 01 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Ninh năm 2026

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 22/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh năm 2026;

Xét Tờ trình số 377/TTr-SNV ngày 29/12/2025 của Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026 như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích:

Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

### 2. Yêu cầu:

- Việc bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn của ngạch công chức; chức danh nghề nghiệp viên chức và tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý gắn với công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Bố trí đủ nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Nội dung, chương trình bồi dưỡng phải đảm bảo gắn lý luận với thực tiễn nhằm nâng cao tính hiệu quả trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

## II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG BỒI DƯỠNG

### 1. Đối tượng bồi dưỡng

- Cán bộ, công chức các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;

- Cán bộ, công chức các xã, phường;
- Bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031;
- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

## **2. Nội dung bồi dưỡng**

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, ngạch công chức;
- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, phương pháp quản lý chuyên ngành; kiến thức, phương pháp thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm dành cho cán bộ, công chức, viên chức;
- Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ dành cho đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031;
- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã.

## **III. SỐ LỚP BỒI DƯỠNG**

Năm 2026, tổng số lớp bồi dưỡng 65 lớp, với 6.500 học viên cụ thể:

**1. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước dành cho lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã: 02 lớp, 200 học viên**

- Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã.
- Nội dung bồi dưỡng: Theo quy định của Trung ương
- Thời gian: 04 tuần/lớp.

**2. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm công chức, viên chức: 26 lớp, 2.600 học viên**

2.1. Bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số, chính quyền số, kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức các sở, cơ quan, đơn vị, địa phương: 10 lớp, 1000 học viên. Thời gian: 03 ngày/lớp.

2.2. Bồi dưỡng quản lý tài chính công dành cho thủ trưởng các chi cục và tương đương; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh: 12 lớp, 1.200 học viên. Thời gian: 03 ngày/lớp.

2.3. Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo (Theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ) dành cho lãnh đạo UBND cấp xã và công chức phụ trách công tác dân tộc, tôn giáo: 02 lớp; 200 học viên. Thời gian: 03 ngày/lớp.

2.4. Bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế dành cho lãnh đạo cấp phòng và công chức, viên chức quy hoạch các chức vụ lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc các sở, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp xã: 02 lớp; 200 học viên. Thời gian: 03 ngày/lớp.

**3.** Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ dành cho đại biểu HĐND cấp xã (nhiệm kỳ 2026-2031): 15 lớp, 1.500 đại biểu. Thời gian: 03 ngày/lớp.

**4.** Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng dành cho công chức, viên chức cấp xã: 22 lớp, 2.200 học viên.

4.1. Bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành cho công chức phụ trách lĩnh vực: Văn phòng; Thống kê; Tư pháp và Hộ tịch: 04 lớp, 400 học viên (Mỗi lĩnh vực 01 lớp). Thời gian: 03 ngày/lớp.

4.2. Bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành cho công chức phụ trách lĩnh vực: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường: 05 lớp, 500 học viên<sup>1</sup>. Thời gian: 03 ngày/lớp.

4.3. Bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành cho công chức phụ trách lĩnh vực: Nội vụ, Văn hóa khoa học và thông tin, Y tế, Giáo dục: 06 lớp, 600 học viên<sup>2</sup>. Thời gian: 03 ngày/lớp.

4.4. Bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành cho công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã: 04 lớp, 400 học viên. Thời gian: 03 ngày/lớp.

4.5. Bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ về cung ứng dịch vụ công dành viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp cấp xã: 03 lớp, 300 học viên. Thời gian: 03 ngày/lớp.

**5.** Ngoài các lớp theo kế hoạch, thực hiện các lớp bồi dưỡng khác theo yêu cầu nhiệm vụ mới phát sinh do bộ, ngành Trung ương và tỉnh giao.

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1.** Đối với các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch có thời gian dưới 01 tuần, ngân sách Nhà nước đảm bảo 100%; đối với các lớp bồi dưỡng có thời gian từ 01 tuần trở lên, ngân sách Nhà nước 50%, học viên đóng góp 50%<sup>3</sup>.

**2.** Đối với các lớp bồi dưỡng theo nhu cầu để đáp ứng tiêu chuẩn ngạch đối với công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức phục vụ việc nâng ngạch, thăng hạng, bổ nhiệm, xếp lương đối với công chức, viên chức kinh phí do học viên tự túc kinh phí 100%.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường phối hợp với Sở Nội vụ triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch này.

<sup>1</sup> Tài chính: 02 lớp, 200 hv; Xây dựng: 01 lớp, 100hv; Nông nghiệp và Môi trường: 02 lớp, 200hv

<sup>2</sup> Nội vụ: 02 lớp, 200hv; Văn hóa khoa học và thông tin: 01 lớp, 100hv; Y tế: 01 lớp, 100hv; Giáo dục: 02 lớp, 200hv

<sup>3</sup> Lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước dành cho lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã (Thời gian bồi dưỡng 04 tuần).

**2. Sở Nội vụ** chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương triệu tập các lớp đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt; ký hợp đồng với cơ sở bồi dưỡng, đội ngũ giảng viên có đủ điều kiện để tổ chức bồi dưỡng đảm bảo chất lượng.

Ngoài thực hiện các lớp theo kế hoạch, tham mưu tổ chức các lớp bồi dưỡng khác theo yêu cầu nhiệm vụ mới phát sinh do bộ, ngành Trung ương và tỉnh giao. Tổ chức các lớp bồi dưỡng theo nhu cầu để đáp ứng tiêu chuẩn ngạch đối với công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức phục vụ việc nâng ngạch, thăng hạng, bổ nhiệm, xếp lương đối với công chức, viên chức theo quy định.

Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh theo phân cấp; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện hướng dẫn, kiểm tra về đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu.

**3. Sở Tài chính** bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng đảm bảo theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- + Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**PHỤ LỤC**  
**Tổng hợp số lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026**

| TT         | Nội dung bồi dưỡng                                                                                                                                                                                                                               | Số lớp    | Tổng số HV   | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước dành cho lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã (Theo Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ), 04 tuần/lớp.</b>                                                                 | <b>02</b> | <b>200</b>   |         |
| <b>II</b>  | <b>Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm công chức, viên chức</b>                                                                                                                                                                    | <b>26</b> | <b>2.600</b> |         |
| 1          | Bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số, chính quyền số, kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức các sở, cơ quan, đơn vị, địa phương, thời gian 03 ngày/lớp.                                                                                  | 10        | 1.000        |         |
| 2          | Bồi dưỡng quản lý tài chính công dành cho thủ trưởng các chi cục và tương đương; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, thời gian 03 ngày/lớp.                                                                                  | 12        | 1.200        |         |
| 3          | Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo (Theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ) dành cho lãnh đạo UBND cấp xã và công chức phụ trách công tác dân tộc, tôn giáo, thời gian 03 ngày/lớp.         | 02        | 200          |         |
| 4          | Bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế dành cho lãnh đạo cấp phòng và công chức, viên chức quy hoạch các chức vụ lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc các sở, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp xã, thời gian 03 ngày/lớp.                     | 02        | 200          |         |
| <b>III</b> | <b>Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ dành cho đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031</b>                                                                                                                                                           | <b>15</b> | <b>1.500</b> |         |
| <b>IV</b>  | <b>Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng dành cho công chức cấp xã</b>                                                                                                                                                                                    | <b>22</b> | <b>2.200</b> |         |
| 1          | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành cho công chức phụ trách lĩnh vực: Văn phòng; Thống kê; Tư pháp và Hộ tịch (Mỗi lĩnh vực 01 lớp), thời gian 03 ngày/lớp.                             | 4         | 400          |         |
| 2          | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành cho công chức phụ trách lĩnh vực: Tài chính (02 lớp); Xây dựng (01 lớp); Nông nghiệp và Môi trường (02 lớp); thời gian 03 ngày/lớp                  | 5         | 500          |         |
| 3          | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành cho công chức phụ trách lĩnh vực: Nội vụ (02 lớp); Văn hóa khoa học và thông tin (01 lớp); Y tế (01 lớp); Giáo dục (02 lớp); thời gian 03 ngày/lớp. | 6         | 600          |         |
| 4          | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành cho công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã (04 lớp), thời gian 03 ngày/lớp.                                                | 4         | 400          |         |
| 5          | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ về cung ứng dịch vụ công dành viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp cấp xã                                                                                               | 3         | 300          |         |
|            | <b>Tổng (I+II+III+IV)</b>                                                                                                                                                                                                                        | <b>65</b> | <b>6.500</b> |         |

